

**TÒA ÁN NHÂN DÂN      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG      Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 17 tháng 5 năm 2021  
Về tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lưu Thị Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Hồng.

Ông Phạm Thuận.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên tòa:*  
Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 587/2020/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 12 năm 2020, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 587/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06.4.2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 587/QĐST-DS, ngày 19/4/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1989, địa chỉ: Tổ 10, Tr, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng (Có đơn xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1990, địa chỉ: Số K693/8 đường Tr, phường Th, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

**NỘI D VỤ ÁN:**

*Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim D như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà kết hôn với ông Nguyễn Đình T vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn ông bà về sống tại nhà chồng ở phường Thanh Khê Đông. Trong thời gian chung sống đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Nguyên nhân do ông T không hỗ trợ bà về kinh tế, thường xuyên nhậu nhẹt, vợ chồng thường xuyên

cãi vã, hiện vợ chồng đã sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nếu kéo dài cuộc sống hôn nhân cũng không có hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Đình T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Nguyễn Đình T1, sinh ngày 30/4/2015 và Nguyễn Đình T2, sinh ngày 29/5/2017. Ly hôn, nguyện vọng của bà là được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Đình T:* Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất như lời trình bày của bà D về thời gian, điều kiện kết hôn. Trong cuộc sống, ông thừa nhận có phát sinh những mâu thuẫn, nhưng đó là những mâu thuẫn mà cuộc sống gia đình nào cũng gặp phải. Nay bà D xin ly hôn, ông đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Ông và bà D có 02 con chung là Nguyễn Đình T1, sinh ngày 30/4/2015 và Nguyễn Đình T2, sinh ngày 29/5/2017. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông đồng ý giao hai con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, có đơn xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Về nội D vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị Kim D được ly hôn với ông Nguyễn Đình T, giao hai con Nguyễn Đình T1, sinh ngày 30/4/2015 và Nguyễn Đình T2, sinh ngày 29/5/2017 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung và nợ chung bà D và ông T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện kiểm sát không đề cập đến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện VKS nhân dân quận Thanh Khê phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Đình T được triệu tập hợp lệ đến

phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội D: Bà Nguyễn Thị Kim D và ông Nguyễn Đình T kết hôn vào ngày 09 tháng 11 năm 2013, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo Giấy đăng ký kết hôn số 212/2013, quyển số 07/2013. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Quá trình chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung. Theo lời khai của bà D thì ông T thường xuyên rượu chè không có trách nhiệm với gia đình, không hỗ trợ bà về kinh tế, đã rất nhiều lần bà khuyên bảo nhưng ông T vẫn không thay đổi. Tại đơn xét xử vắng mặt bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn ông Nguyễn Đình T. Ông T vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình hòa giải ông cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn chỉ là bình thường nên ông có nguyện vọng xin được đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình. Xét yêu cầu của bà D và ý kiến xin đoàn tụ của ông T, Hội đồng xét xử thấy: Vợ chồng chỉ thực sự hạnh phúc khi cả vợ và chồng đều thương yêu giúp đỡ lẫn nhau, trường hợp của bà D và ông T vợ chồng đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai trong cuộc sống. Vì vậy, ly hôn là cách tốt nhất để giải phóng cho nhau, tạo điều kiện để mỗi người có cuộc sống riêng nên cần chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của bà D là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Bà D và ông T có 02 con chung là Nguyễn Đình T1, sinh ngày 30/4/2015 và Nguyễn Đình T2, sinh ngày 29/5/2017. Ly hôn, nguyện vọng của bà D là được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T mặc dù xin được đoàn tụ nhưng tại phiên hòa giải ông khai rằng nếu vợ chồng không được trở về đoàn tụ thì ông đồng ý giao cả hai con cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của bà D và ý kiến của ông T Hội đồng xét xử thấy, hiện nay hai con đang ở với bà D, để không làm xáo trộn cuộc sống, ảnh hưởng đến sự phát triển của các cháu cần chấp nhận yêu cầu của bà D, ý kiến của ông T xử giao hai con cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, về cấp dưỡng nuôi con bà D không có yêu cầu, ông T cũng không tự nguyện cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà D và ông T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim D về tranh chấp “Ly hôn” đối với ông Nguyễn Đình T.

### **Xử:**

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho bà Nguyễn Thị Kim D được ly hôn ông Nguyễn Đình T.

2. *Về con chung:* Giao hai con chung tên Nguyễn Đình T1, sinh ngày 30/4/2015 và Nguyễn Đình T2, sinh ngày 29/5/2017 cho bà Nguyễn Thị Kim D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông T Nguyễn Đình T không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự đều được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đều được thực hiện quyền yêu cầu thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Nguyễn Thị Kim D và ông Nguyễn Đình T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

4. *Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 8929 ngày 28/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, bà D đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. *Quyền kháng cáo:* Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- VKSND Q. Thanh Khê;
- TAND TP Đà Nẵng;
- Chi cục THSDS Q. Thanh Khê;
- UBND phường Hòa Minh, q. Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lưu Thị Hằng**

